

TRƯỜNG MẦM NON DIỄN HÙNG

DỰ KIẾN KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 5-6 TUỔI NĂM HỌC 2025-2026 Thực hiện Từ ngày 08/09/2025 đến ngày 22/5/2026

Th ứ t ự	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non - Vui tết trung thu.	-Trường mầm non của bé.	1	15-19/9/2025
		- Các hoạt động ở trường Mầm Non	2	22-26/9/2025
		- Lớp học của bé - Bé vui tết trung thu.	3	29/9- 03/10/2025
2	Bản thân	- Bé tự giới thiệu về mình -	4	06- 10/10/2025
		- Cơ thể tôi và bạn	5	13 -17/10/2025
		- Bé lớn lên từng ngày	6	20-24/10/2025
3	Gia đình bé- Ngày hội của cô giáo.	- Gia đình bé	7	27- 31/10/2025
		- Ngôi nhà của bé	8	03-07/11/2025
		- Đồ dùng trong gia đình bé	9	10 - 14/11/2025
		- Ngày hội của cô giáo	10	17-21 /11/2025
		-Bé với những món ăn trong gia đình	11	24-28/11/2025
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì (Ngày 22/12)	- Nghề làm ruộng, nghề đánh cá	12	01-05/11/2025
		- Nghề thợ xây	13	08-12/12/2025
		-Em yêu chú bộ đội	14	15-19/12/2025
		-Nghề giúp đỡ cộng đồng -Em yêu chú bộ đội	15	22-26/12/2025
		-Nghề dịch vụ	16	29/12/2025 – 02/02/2026
5	Những con vật đáng yêu	- Động vật sống trong gia đình	17	06 -10 /01/2026
		- Động vật sống dưới nước	18	12-16/01/2026
		- Động vật sống trong rừng	19	19-23/01/2026
		- Chim và côn trùng	20	26- 30/01/2026
6	Thế giới thực vật - Tết và mùa – Vui ngày 8/3	- Cây xanh và MT sống	21	02-06/ 02/2026
		- Bé vui đón tết	22	09- 13/ 2/2026
		- Một số loại rau, củ	23	23 - 27 /02/2026
		- Mùa xuân của em - Vui ngày 8/3	24	02 - 06 /3/2026
		Một số loại hoa, quả	25	09 - 13/3/2026

7	Phương tiện và qui định giao thông	- PT và QĐGT đường bộ	26	16-20/3/2026
		- PT và QĐGT đường thủy	27	23 - 27/3/2026
		- PT và QĐGT đường hàng không	28	30 -03/04/2026
8	Nước và các hiện tượng thiên nhiên	- Bé biết gì về nước,không khí,ánh sáng,đất đá,cát sỏi	29	06/4 - 10/4/2025
		- Các hiện tượng thời tiết	30	13-17/4/2026
		- Các mùa trong năm	31	20-24 /4/2026
9	Quê hương – Đất nước Bác Hồ- Trường tiểu học	- Quê hương em.	32	27/04-10/5/2026
		- Việt nam mến yêu	33	04 - 08/5/2026
		- Trường tiểu học	34	11-15/5/2026
		- Mừng sinh nhật Bác	35	18-22/5/2026
Cộng			35 tuần	

ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 5-6 TUỔI - NĂM HỌC 2025-2026

A.MỤC TIÊU GIÁO DỤC	B.NỘI DUNG GIÁO DỤC
I.GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe - Thực hiện ăn uống đầy đủ (ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm), sạch sẽ (bảo đảm vệ sinh) và lành mạnh,(có lợi cho sức khỏe, phòng, tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân. (Chuẩn 5. CS 11) 1.Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cần năng đạt: Trẻ trai: + Cân nặng từ 16 - 26.6 kg + Chiều cao từ 106.4 - 125.8 cm Trẻ gái: + Cân nặng từ 15 - 26.2 kg + Chiều cao từ 104.8 - 124.5 cm	- Biết ăn uống đủ lượng và đủ chất để cơ thể phát triển cân đối hài hòa. Trẻ hiểu tầm quan trọng của dinh dưỡng giúp con người khỏe mạnh- Cân đo theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ - Phòng chống dịch bệnh cho trẻ
2. Nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi ích đối với sức khỏe; (Chuẩn 5, CS 10) - Hiểu về giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm: Phân loại thực phẩm thường dùng theo nhóm giá trị dinh dưỡng 4 nhóm)	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm - Nhận biết các bữa ăn trong ngày, và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật * LVPTNT- KPKH: + Phân loại 4 nhóm thực phẩm. + Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh.
3.Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống - Kể tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo

	- Chơi hoạt động góc : + Tổ chức sinh nhật bé + Bữa ăn gia đình. + Các món ngon * LVPTTCXH-KNS: - Dạy trẻ kỹ năng sơ chế, chế biến các món ăn. - Dạy trẻ kỹ năng làm các món nộm Trò chuyện sáng theo phương pháp Unit “Món ăn yêu thích của bé”
4. Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn, không đùa nghịch không làm đổ vãi thức ăn; ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Không uống nước lã, không ăn quà vặt ngoài đường. - Biết không ăn thức ăn ôi thiu, uống các loại nước ngọt - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, biết mời khách khi có người đến lớp, đến nhà trong bữa ăn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không xúc thức ăn bỏ ra đĩa - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường - Cách tránh hoặc dùng đồ dùng để bị hóc, sặc - Không nói chuyện cười đùa trong khi ăn uống - Cẩn thận khi ăn các loại hoa quả có hạt - Biết được cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.... - Biết không tự ý uống thuốc. Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe * LVPTTCXH-KNS: -Dạy trẻ kỹ năng bày bàn tiệc sinh nhật
5. Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi (Chuẩn 5, CS 12) - VS cá nhân hàng ngày mà không cần nhắc nhở và hỗ trợ; VS các đồ dùng chung trong gia đình và lớp học	- Biết lao động tự phục vụ bản thân, biết đứng trước gương chải tóc trang phục gọn gàng. - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội nước. - Rửa gọn, không vẩy nước ra ngoài- Biết rửa tay sau

	khi đi vệ sinh xong - Mặc trang phục phù hợp với thời tiết, lao động tự phục vụ - Tập làm công việc tự phục vụ: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây. - Phân biệt trang phục theo từng mùa * LVPNTCXH- KNS: + Dạy trẻ kỹ năng mặc cởi quần áo + Dạy trẻ kỹ năng vắt khăn ướt + Dạy trẻ kỹ năng chải tóc, cột tóc + Dạy trẻ biết cách buộc dây giày + Dạy trẻ kỹ năng rửa tay đúng thao tác
6. Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ. . (Chuẩn 4, CS 9) - Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. (Chuẩn 4, CS 9)	- Biết sử dụng bát, thìa, cốc theo ký hiệu riêng của từng cá nhân trẻ - Hoạt động giờ ăn: * LVPTNT- KPKH: - Đồ dùng để ăn, để uống * LVPTTCXH -KNS: - Dạy trẻ kỹ năng cách sử dụng thìa.
7. Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người khác (cảm thấy mệt mỏi, đau, mẩn ngứa, buồn nôn (Chuẩn 6 CS 15)	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. LVPTCXH - KNS: + Dạy trẻ kỹ năng vệ sinh răng miệng. + Dạy trẻ kỹ năng đội mũ khi ra trời nắng.
8. Biết và không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn; (Chuẩn 6, CS 13) - Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. khi đến gần: Bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... - Không nghịch những nơi có đồ vật sắc nhọn * LVPTNT- KPKH: +Phân loại đồ dùng trong gia đình + Một số đồ dùng sử dụng điện * LVPTCXH- KNS:

	+ Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh điện giật + Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh bỏng và hỏa hoạn
9. Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần * LVPTTC-KNXH: + Dạy trẻ cách phòng chống đuối nước + Dạy trẻ tránh xa nơi nguy hiểm
10. Nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp (tránh xa, kêu cứu, thông báo với người khác...) (Chuẩn 6, CS14)	- Trẻ nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu + Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Trẻ biết từ chối Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Trẻ biết không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. * LVPTTC-KNS: + Dạy trẻ kỹ năng không đi theo người lạ + Dạy trẻ kỹ năng biết kêu cứu khi gặp nguy hiểm. + Trẻ làm gì khi bị lạc.
11. Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	- Trẻ biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi - Trẻ biết đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy - Không leo trèo cây, ban công, tường rào * LVPTKNTCXH- KNS: + Dạy trẻ kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông
* Phát triển vận động	
12. Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất.	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết

(Chuẩn 1, CS 2) - Trẻ biết Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau
13. Giữ tư thế đứng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở (Bộ chuẩn 1, chỉ số 1)) - Trẻ biết giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: đi lên xuống ván dốc dài 2m x 3m một đầu kê cao 0,3m; không làm rơi vật trên đầu khi đi trên ghế thể dục.	- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. + Đi bằng mép ngoài bàn chân, + đi khuyu gối. * PTVĐ: Thể dục + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi + Đi bằng mép ngoài bàn chân + Đi thăng bằng trên ghế mắt nhìn thẳng + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát + Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây. + Đi trong đường hẹp(sỏi , đá, bông...) + Đứng co một chân
14. Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). - Chạy nhanh 20m trong 5 - 6 giây; (Bộ chuẩn 3, chỉ số 6)	* PTVĐ: Thể dục + Chạy chậm khoảng 100 - 120m. + Nhảy lò cò 5m + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh. + Đi dích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy dích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy nhanh 20m trong 5-6 giây + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 100-120m
15. Phối hợp với người khác	* LVPTTC- TD.

thực hiện vận động có sử dụng dụng cụ. (Bộ chuẩn 3, cs 7) - Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động chuyền, tung, ném, đập, bắt bóng: Bắt và ném bóng với người đối diện (bắt được 03 lần liên không rơi với khoảng cách 4 m)	- Đập và bắt bóng - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Tung bắt bóng tại chỗ. + Đập bắt bóng tại chỗ. + Chuyền, bắt bóng qua đầu. + Chuyền, bắt bóng qua chân. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. + Ném trúng đích đứng bằng 2 tay. + Ném trúng đích nằm ngang
16. Trẻ biết phối hợp nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây; Bò đích dắc (5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5m); Bật xa 40cm - 50 cm...	- Bò, trườn, trèo: +Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 gióng thang. - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. - Bật - nhảy: + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. * LVPTTC –TD: * Bài tập tổng hợp: + Bật liên tục vào vòng.- Ném xa bằng 1 tay - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. + Bật tách chân, khép chân - Ném trúng đích đứng. + Đi lên, xuống trên ván kê dốc - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc + Ném trúng đích đứng bằng 1tay- Bật liên tục vào vòng.

	+ Trèo lên xuống 7 gióng thang - Chạy nhanh 12m.
17. Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình và dán hình vào đúng vị trí. (Bộ chuẩn 4, chỉ số 8) - Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số HĐ: vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số; cắt được theo đường viền của hình vẽ	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Đan chéo ngón tay vào nhau - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).¹
18. Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi; (Bộ chuẩn 2, CS 3) - Trẻ tích cực tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút	- Tham gia hoạt động tích cực, không mệt mỏi, thực hiện liên tục - Tham gia các hoạt động liên tục: Hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động trải nghiệm ... - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
* <i>Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i> 19. Trẻ nhận biết các con số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	- Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: Có bao nhiêu bông hoa? đây là mấy con gà, có mấy cái ca?..... - Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm. - Trẻ biết đặt câu hỏi: Có bao nhiêu bông hoa? đây là mấy con gà, có mấy cái ca?..... - Cho trẻ nhận biết các con số qua các biểu bảng(113,114,115...) - Nhận các con số qua biển số xe, qua số điện thoại ...Trong thực tế cuộc sống hàng ngày. - Nhận dạng chữ số từ 1-10 - Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. Và đếm theo khả năng - Biết các con số qua các biểu bảng cuộc sống hàng ngày(

	số nhà, số xe, ngày sinh nhật) - Số điện thoại của người thân * LVPTNT – LQVT: + Ôn số lượng trong phạm vi 5 + Những con số kỳ diệu.(Trò chơi trò chơi) + Nhận biết những con số qua biểu bảng, số điện thoại, biển số xe.(qua các hoạt động góc, hoạt động chơi..)
20. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết các chữ số từ 1-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng và số thứ tự. - Chọn thẻ số tương ứng với số lượng đã được đếm * LVPTNT LQVT: + Số 6 (tiết 1), số 7 (tiết 1) - số 8 (tiết 1) . số 9(tiết 1), số 10(Tiết 1). + Dạy trẻ đếm theo khả năng của trẻ.
21 .Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả (Chuẩn 15, CS 43)	- So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.... - Trẻ biết thêm bớt tạo nhóm số lượng trong phạm vi 10 - So sánh nhóm nào nhiều hơn, nhóm nào ít hơn, bằng nhau và tạo bằng nhau trong phạm vi 10 * LVPTNT -LQVT: - Số 6 (tiết 2); số 7 (tiết 2); số 8 (tiết 2); - số 9 (tiết 2); số 10 (tiết 2).
22. Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau (Chuẩn 15, chỉ số 42))	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm -Tách một nhóm thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau trong phạm vi 10 - Tách một nhóm thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. - Gộp các nhóm đối tượng và đếm * LVPTNT - LQVT: + số 6 (tiết 3); số 7 (tiết 3); số 8 (tiết 3);

	số 9 (tiết 3); số 10 (tiết 3).
23. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu - Tạo ra qui tắc sắp xếp
24.Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Ghép thành những cặp đôi có mối liên quan - Nhận ra quy luật sắp xếp (mẫu) và xếp lại theo sự hiểu biết của trẻ dựa vào quy tắc như: âm thanh, hành động, hình ảnh, Màu sắc,....
25.Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp (Chuẩn 16, CS 46)	- Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc * LVPTNT LQVT : + Dạy trẻ sắp xếp theo quy tắc + Dạy trẻ sắp xếp theo quy tắc của 3 đối tượng + Sắp xếp theo ý thích (có quy tắc) + Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình thành con vật, thành cây , các PTGT các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu, +Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau
26. Đo độ dài, dung tích của đối tượng bằng đơn vị đo ước lẹ. (Chuẩn 15, CS 44) Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo * LVPTNT LQVT: + Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo + Đo độ dài bằng một đơn vị đo khác nhau + Đo các đối tượng có kích thước khác nhau bằng một đơn vị đo(thước đo). Nhận biết kết quả đo + Đo đối tượng bằng một đơn vị + Đo dung tích nước
27. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. (Chuẩn 16, CS 45)	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế - So sánh những điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật - Tìm, tạo nhóm đồ vật có dạng khối cầu, khối trụ khối vuông, khối chữ nhật - Trẻ biết sử dụng hợp lý các khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật trong hoạt động của trẻ. * LVPTNT LQVT: + Nhận biết phân biệt Khối cầu kối trụ, khối vuông, khối chữ nhật.

28. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. (Chuẩn 16, CS 47)	* LVPTNT LQVT: + Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, + Nhận biết vị trí của đồ vật phía phải, phía trái so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. + Nhận biết vị trí của đồ vật có sự định hướng
29. Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. (Chuẩn 16, CS 48)	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Tên gọi các ngày trong tuần theo thứ tự (Thứ 2, thứ ba..) * LVPTNT LQVT: + Nhận biết các mùa trong năm + Nhận biết các ngày trong tuần + Nhận biết sáng, trưa, chiều, tối
30. Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ (Chuẩn 16, CS 49)	- Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ * LVPTNT LQVT: + Dạy trẻ cách xem đồng hồ + Dạy trẻ cách xem và nhận biết lịch.
b. Khám phá khoa học	
31. Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật với môi trường sống. (Chuẩn 15, CS 52)	- Trẻ thích được tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... - Tạo tình huống để trẻ có cơ hội khám phá - Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. - Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. - Hỏi về những thay đổi/ cái mới xung quanh * HĐ trải nghiệm: + Sự phát triển của cây + Sự ngưng tụ của nước (Làm mưa) + Tạo tình huống để trẻ có cơ hội khám phá
32. Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm; . (Chuẩn 17, CS 51)	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu

- Gọi tên nhóm cây cối, con vật, phương tiện giao thông theo đặc điểm chung. (MT9 sở) - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. - Trẻ biết đặc điểm, công dụng của một số PTGT và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.	đặc điểm của đối tượng của cây, hoa, rau, củ, quả, con vật - Quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. *LVPTNT- KPKH + Một số đv nuôi trong gia đình, đv sống trong rừng, đv sống dưới nước, côn trùng và một số loại chim. + Gọi tên một số loại hoa, 1 số loại rau, 1 số loại quả... + Bé tìm hiểu về cây xanh và môi trường sống + Hoạt động Stem: Khám phá sự nảy mầm của hạt đậu” + Các PTGT, đường bộ, đường thủy, hàng không, đường sắt.. +Tìm hiểu về các giác quan + Khám phá một số bộ phận trên cơ thể bé Trò chuyện sáng theo phương pháp Unit “về các loài cây, hoa, lá, quả mà trẻ nhìn thấy hàng ngày.”
33.Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. - Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. Khám phá về nước - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.(Trải nghiệm vật chìm, vật nổi, tan- không tan...) * LVPTNT- KPKH + Tìm hiểu về các nguồn nước. - Vòng tuần hoàn của nước - Không khí, ánh sáng, đất đá cát sỏi - Sự kỳ diệu của không khí - HĐ Trải nghiệm : + Gieo hạt(Quan sát sự phát triển của cây) + Hoạt động Steam: Thí nghiệm làm mưa

	+ Hoạt động Steam: Sự kỳ diệu của kim tuyến + Thí nghiệm pha màu nước + Thí nghiệm chất tan và không tan. + Hoạt động Steam: Thí Nghiệm làm son dưỡng môi từ hoa hồng + Hoạt động Steam: Làm máy lọc nước mini + Hoạt động Steam: Làm sữa chua + Hoạt động Steam: Làm trà sữa thạch hoa quả + Hoạt động Steam: Trứng chìm, trứng nổi + Hoạt động Steam: Hoa nở trong nước + Không khí có ở mọi nơi. + Những viên sỏi kỳ diệu + Không khí có ở mọi nơi + Vật chìm vật nổi. + Sự phát triển của cây từ hạt + Nhốt không khí vào bao, Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi...”.
34. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Nêu được thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
35. Trẻ biết Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. -Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống. (CS 70)	- Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số sự vật hiện tượng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối.
36. Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên. (Chuẩn 17, CS 50) - Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. KPKH: - Mùa xuân của em - Tìm hiểu các mùa trong năm

nơi trẻ sống - Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Tìm hiểu về mùa hè - Khám phá về gió - Các hiện tượng thời tiết Trò chuyện sáng theo phương pháp Unit “ Mùa nào bé thích nhất”
37. Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện...; mô phỏng vận động/ di chuyển/ dáng điệu các con vật. - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất... - Vẽ, xé, dán, nặn ... các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất
38. Trẻ nhận biết ngày và đêm, mặt trăng mặt trời	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng - Cho trẻ xem tranh ảnh có hình ảnh ngày- đêm, mặt trăng –mặt trời * LVPTNT- KPKH: + Tìm hiểu các buổi trong ngày + Tìm hiểu ngày và đêm
39. Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn.	- Nhận biết và gọi tên một số thiết bị công nghệ số quen thuộc - Điện thoại, máy tính bảng, tivi, máy tính, loa thông minh. - Biết dùng điện thoại/máy tính bảng để gọi video cho người thân (cùng bố mẹ). - Tham gia trò chơi học tập an toàn (chữ cái, số, màu sắc). Trò chơi “ Vòng quay may mắn, những chữ cái vui nhộn
40. Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề dễ trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số	- Trẻ biết một số tình huống gặp phải trong cuộc sống khi sử dụng công nghệ số (xem tivi, nghe nhạc, chơi điện thoại, máy tính...). Trẻ thực hành các bước giải quyết vấn đề đơn giản
c. Khám phá xã hội	
41. Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Kể tên về những điểm vui chơi công cộng /trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã đến. - Trạm y tế, trụ sở ủy ban, trường tiểu học, nhà truyền thống, đài tưởng niệm, chợ nài, chợ bãi..

	* HD trải nghiệm, ngoại khóa + Tham quan trường tiểu học. + Tham quan tượng đài liệt sỹ + Trụ sở ủy ban, nhà truyền thống.
42. Trẻ tự tin giới thiệu đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân và người thân trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; Quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Một số nhu cầu gia đình. *LVPTNTKPxH: + Gia đình bé yêu, + Nhu cầu gia đình + Mừng sinh nhật mẹ + Sinh nhật bé yêu + Bé tự giới thiệu về mình Trò chuyện sáng theo phương pháp Unit “Gia đình bé yêu, Bé Thích ăn gì, Bé tự giới thiệu về mình”
43. Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình. - Trẻ biết được thôn xóm, nơi ở của gia đình, số điện thoại người thân khi được hỏi và trò chuyện. * LVPTNTKPxH: + Ngôi nhà bé ở. * Trò chơi: + Những con số biết nói. + Số điện thoại của ai?
44 Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được tên, địa chỉ của trường lớp Mn nơi trẻ học. - Những đặc điểm nổi bật, trường, lớp MN. - Các hoạt động của trẻ ở trường Mầm Non. * LVPTNT- KPxH: + Trường mầm non của bé Trò chuyện sáng theo phương pháp Unit “Ngôi trường thân yêu của bé”
45. Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói tên, công việc của các cô, bác nhân viên trong trường. - LVPTNTKPxH: + Các hoạt động ở trường mầm non Trò chuyện sáng theo phương pháp Unit: “Bé thích học gì?”

46. Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một số đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp. * LVPTNTKPXH: + Lớp học của bé
47. Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới .	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Kể tên được một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến - Một số ngành nghề truyền thống của địa phương * LVPTNT + KPXH: Nghề đánh cá + KPXH: Nghề làm nông (Trồng cây hoa màu). +KPXH: Nghề xây dựng + KPXH: Nghề dịch vụ + KPXH: Nghề giúp đỡ cộng đồng + KPXH: Em yêu chú bộ đội + KPXH: Cô giáo của em Trò chuyện sáng theo phương pháp Unit “ Ước mơ của bé”
48. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội; biết cùng cô tổ chức một số hoạt động đón chào các ngày lễ hội trong năm	- Biết và kể tên một số lễ hội nổi bật và gần gũi. - Những đặc điểm nổi bật của các ngày lễ hội. * LVPTNT- KPXH: + Ngày hội cô giáo. + Trung thu của bé. + Tết nguyên đán. + Tết thiếu nhi + Ngày hội của bà của mẹ + Trò chuyện sáng theo phương pháp Unit “ Bé vui hội trăng rằm” “Ngày hội cô giáo em” “Ngày tết quê em”
49. Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. Tìm hiểu một số địa danh, khu du lịch biển nổi tiếng của quê hương, đất nước - Bảo vệ môi trường biển đảo, yêu quý và bảo vệ môi trường. - HĐG:

	+ Xây dựng bãi biển. * LVPTNT- KPXH: + Quê hương em. + Diễn hùng quê em. + Việt nam mến yêu - HĐChiều: Trò chuyện vui về một số danh lam thắng cảnh nghệ an Biển cửa lò, Biển diễn thành, Bãi lữ, Nha trang, Sầm sơn...; Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa..) + Trò chuyện sáng theo phương pháp “ Quê em có gì đẹp”
50.Trẻ biết một số nguyên nhân gây ô nhiễm làm ảnh hưởng biển, hải đảo.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Biết tên một số đảo. - Các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, đảo - Tham gia và bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo. * LVPTTCXH – KỸ NĂNG + Dạy trẻ kỹ năng biết bảo vệ nguồn nước
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
* Nghe hiểu lời nói 51.Nghe và nhận ra âm giống nhau trong tiếng. (Chuẩn 13, CS 39) - Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - Hiểu được những lời nói và chỉ dẫn của người khác và phản ứng lại bằng những hành động hoặc lời nói phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập, sinh hoạt tập thể.

52. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	+ Nghe và hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa (các đồ dùng học tập.... + Nói được một số từ khái quát chỉ các vật ví dụ: Cốc, ca, tách... là nhóm đồ dùng đựng nước uống; cam, chuối, đu đủ... được gọi chung là nhóm quả hoạt hàng ngày. + phương tiện giao thông: ô tô, xe máy, tàu hỏa, thuyền bè, ca nô... + Động vật: gà, vịt, trâu bò, tôm cá, hổ, báo, thỏ, chim.... + Thực vật: cây xanh, cây hoa, cây rau, các loại quả.... + Đồ dùng gia đình: bàn là, đèn học, ấm điện, đường tủ, bàn ghế... + Đồ dùng học tập: sách vở, cặp, bút, phấn bảng - Nghe, hiểu nghĩa từ trái nghĩa. + hiện tượng tự nhiên: lạnh- nóng, mưa- nắng, hạn hán- lũ- lụt...
53. Nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản; (Chuẩn 11, CS 31) - Trẻ biết Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. - Dạy trẻ kỹ năng giao tiếp với người khác (biết trả lời câu hỏi khi được hỏi, lắng nghe ý kiến, mạnh dạn tự tin khi giao tiếp...)
54. Nhận biết một số ký hiệu biểu tượng trong cuộc sống; (Chuẩn 11, CS37) - Trẻ biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống. Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) * HĐ trải nghiệm: + Chơi cùng các biển báo, biểu bảg, ký hiệu.
55. Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nhận ra cảm xúc vui, buồn, âu yếm, ngạc nhiên, sợ hãi hoặc tức giận của người khác qua ngữ điệu lời nói của họ. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói. - Trẻ nhận biết khuôn mặt vui buồn qua hoạt động cắt dán khuôn mặt vui, buồn, cười, mếu...
56. Nghe và nhận ra tirng	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.

tiếng trong câu nói; (Chuẩn 11, Cs 30) - Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. * Các bài đồng dao: - Trường mầm non: + Dung dăng dung dẻ, chi chi chành chành, chú cuội ngồi gốc cây đa, - Chủ đề bản thân: + Nu na nu nống, tập tầm vông, mười ngón tay, ... - Chủ đề gia đình: + Buổi sáng ngủ dậy, Lớn là anh, Gánh gánh gồng gồng.. - Chủ đề Nghề nghiệp: + tay đẹp, kéo cửa lùa xẻ.. - Chủ đề thực vật: + Lúa ngô là cô đậu nành, họ rau, ... - Chủ đề động vật: + Con cua, con gà.. - Chủ đề giao thông: + Đi cầu, đi quán, bà còng đi chợ trời mưa... - Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên: + Mưa, Nắng, Trời mưa, trời gió, mòng một lưỡi trai..... - Chủ đề quê hương đất nước bác hồ: + Con mèo mà trèo cây cau, con gà cục tác lá chanh, con kiến leo cành đa... Các bài vè: vè con vật, vè các loại rau.... - Con công hay múa, rềnh rềnh rành rành, dung dăng dung dẻ, Vuốt hột nỏ, tay đẹp... * Các câu chuyện trong các chủ đề - Chủ đề trường mầm non: + Món quà của cô giáo(phỏng theo truyện ngắn tú anh), Thỏ trắng biết lỗi(Phùng kim liên), Ai quan trọng nhất(, Mèo con và quyển sách(Trần thị thu), Bạn mới(Thu Hằng), chiếc áo đẹp(Cẩm bích sưu tầm), bài học đầu năm(Suu tầm), gà tơ đi học(cẩm linh)... - Chủ đề bản thân:
--	---

	+ Cái đuôi của sóc nâu(bích hồng), giấc mơ kỳ lạ(Nguyễn bích ngọc), câu chuyện tay phải tay trái(lý thị minh hà), Đôi tai xấu xí, mỗi người một việc(sưu tầm) ... - Câu chuyện chủ đề gia đình: + Bông hoa cúc trắng(phỏng theo truyện cổ tích nhật bản); Ba cô gái,Tích Chu , cây khế(cổ tích việt nam), bàn tay có nụ hôn (Phỏng theo truyện kể của thanh nga), Hai anh em gà con (Lê Thị Quế), Ai đáng khen nhiều hơn; Tấm cám, Cô bé quàng khăn đỏ (Truyện cổ tích). - Chủ đề nghề nghiệp: + Hai anh em (Truyện cổ tích), Ba anh em (Phỏng theo truyện cổ grim), Cây rau của thỏ út, sự tích quả dưa hấu (Nguyễn Đồng Chi), sự tích củ khoai lang, Thần sắt.. - Chủ đề động vật: + Chú dê đen (Truyện cổ tích), Cáo Thỏ và Gà Trống (Truyện ngụ ngôn), Gà trống kiêu căng, Cá chép con(Tạ Mai), những nghệ sỹ của rừng xanh (Theo báo hoạ mi), Cá cầu vồng can đảm (Cầm bích sưu tầm), cá diếc con (Truyện cổ tích), cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí. Chó sói và bảy chú dê con, Cừu non và sói già. (Truyện cổ nước ngoài) - Chủ đề thực vật: + Quả bầu tiên (Truyện cổ tích), sự tích bông hoa cúc trắng (Truyện cổ tích), sự tích hoa hồng (Theo báo hoạ mi), sự tích cây khoai lang (Truyện cổ tích); Cây tre trăm đốt (Truyện cổ tích); Chuyện của hoa phù dung (Truyện cổ tích), thần sắt (Truyện cổ tích), Bánh chưng bánh dày (Truyện cổ tích), Nhỏ củ cải, hạt đỗ sót.... Chủ đề giao thông: + Kiến con đi ô tô (Phạm Mai Chi sưu tầm); Xe đạp con trên đường phố (Thu Hạnh); Qua đường (Phỏng theo truyện ngắn của TH), Vì sao thỏ cụt đuôi (Phạm Hoàng Yến), Thỏ con đi học (Đỗ Ngọc Anh); Xe lu và xe ca; Ba ngọn đèn giao thông; Kiến thi an toàn giao thông; Một phen sợ hãi; Câu chuyện về chiếc xe ủi
--	---

	- Chủ đề Hiện tượng tự nhiên; + “Giọt nước tí xiu” (Nguyễn Linh); Nàng tiên trong bóng đêm (Truyện cổ tích); Sự tích chú Cuội Cung trăng (Truyện cổ tích), sự tích ngày và đêm (Truyện cổ tích), Đám mây đen xâu xé (Nguyễn Văn Thắng); Nàng tiên mưa; Hồ nước và mây; Lời ru của trăng... - Chủ đề Quê hương- Bác Hồ: + Khen các cháu (Sưu tầm); Ai ngoan sẽ được thưởng (Tuý Phương và Thanh Tú); Sự tích Hồ Gươm (Truyện cổ tích). Thánh Gióng (Truyện cổ tích), Chàng Rùa (nhiều tác giả). Quả táo, Niềm vui bất ngờ (Nguyễn Bá Doanh)....
57. Trẻ biết chờ đến lượt, không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện (CS 75)	- Biết chờ đến lượt. - Lắng nghe mọi người trò chuyện, đọc thơ, kể chuyện, không nói ngọng, không ngắt lời người khác và đáp lại bằng nét mặt, cử chỉ điệu bộ (Gật đầu, lắc đầu....)
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
58. Nói để người khác hiểu. (Chuẩn 11, CS 32) Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người khác có thể nghe được. - Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì? - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
59. Trẻ biết Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng. - Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật.
60. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...	- Sử dụng đa dạng các loại câu: Câu đơn, câu phức, câu khẳng định, câu phủ định, câu nghi vấn, mệnh lệnh phù hợp với ngữ cảnh để diễn đạt trong giao tiếp với người khác. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.

	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?
61. Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Dễ dàng sử dụng lời nói để diễn đạt cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. Kết hợp cử chỉ cơ thể để diễn đạt một cách phù hợp (Cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân khi giao tiếp. - Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể lại chuyện được nghe, được thấy Hiểu được nội dung, sự việc câu chuyện mình kể hoặc nhìn thấy.
62. Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Bài thơ chủ đề trường mầm non: + Trăng sáng (Trần Đăng Khoa); Gà học chữ (Đoàn Thị Diễm), tình bạn(Trần thị hương), ;Bé học toán,(phan thị thu Huyền) Làm quen chữ số, (vương trọng), bập bênh,(Lê tấn), Cô giáo của em (Chu Huy) , Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương), Bàn tay cô giáo.(Tặng kim hảo); Cô giáo của con (Sưu tầm); Giờ chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh), Mèo con đi học(Sưu tầm). - Bài thơ chủ đề bản thân: +Lời bé(Nguyễn Văn Bình), Tay ngoan(võ Thị Như Chơn), Chiếc bóng(Phạm Thanh Quang), Những con mắt(Sưu tầm), (phải là hai tay(Phạm Cúc), cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương); tâm sự của cái mũi(Phạm Hồ); Cô dạy(Phạm Hồ); Bé ơi(Phong Thu) - Bài thơ chủ đề gia đình: + Giữa vòng gió thơm(Quang Huy), làm anh(Phan Thị Thanh Nhân), Ông cháu nhà vịt(Trần Minh), mẹ của em(Trần Quang Vịnh),), Lời bình), Chia bánh(Trương Hữu Lợi), Vì con(Vân Long), ... Ca dao, tục ngữ về gia đình. Cái bát xinh xinh (Thanh Hoà); Thương ông (Tú Mỡ); Em yêu nhà em (Đoàn Thị Lam Luyến); Làm anh (Phạm Thị Thanh Nhân) - Bài thơ chủ đề nghề nghiệp: + Hạt gạo làng ta(Trần Đăng Khoa), Ước mơ của tỳ(Lưu Thị Ngọc Lễ), Chú bộ đội hàng quân trong mưa(Vũ Thùy Linh),Chiếc cầu mới(Thái Hoàng Linh), bé

	làm bao nhiêu nghề(Yến Thảo), Làm bác sỹ(Lê Ngân), Làm nghề như bố(Thu quỳnh sưu tầm) .. - Bài thơ chủ đề động vật: +Nàng tiên ốc(Phan thị thanh nhàn), Gà mẹ đếm con(Nguyễn duy quế), Bác gấu đen và 2 chú thỏ(Hoàng Hà), Gà nở(Phạm hồ), con chim chiến chiến(Huy cận) đom đóm(Hoàng hương sưu tầm), .Kiến tha mồi(sưu tầm); Mèo đi câu cá(Thái hoàng linh); Những chú lợn con(Nguyễn Lâm Thắng) ; Cún con(Nguyễn Lâm Thắng); Gà mẹ (Nguyễn Lâm Thắng) - Bài thơ chủ đề thực vật: + Hoa cúc vàng(Nguyễn Văn chương), cây đào(Sưu tầm), Bó hoa tặng cô(Ngô quân miện), Vòng quay luân chuyển, Màu của quả(Thu Hồng Sưu tầm), hoa kết trái(Thu Hà), Mùa Xuân (Tú mỡ); Cây dây leo (Xuân Tửu); Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên); Bác bầu bác bí (Huỳnh Thị Minh Quyên). - Bài thơ chủ đề giao thông: + Chú cảnh sát giao thông(Sưu tầm), Tiếng còi tàu(hồng vy), Cô dạy con(Bùi thị tình), Giúp bà(Hoàng thị phảng), Trên đường(hương mai), đàn kiến nó đi(Định hải), Bé và mẹ(Lương thị xiêm), Đèn giao thông(mỹ trang), em không như chú mèo(Phạm thị hường), Chúng em chơi giao thông(Ngô tô ngải). - Bài thơ chủ đề hiện tượng tự nhiên: Nắng bốn mùa(Mai anh đức); Mưa(trần Đăng khoa;) Trưa hè(Trần đăng khoa), Bình minh trong vườn(Đỗ ngọc hưng), Mùa hạ tuyết vời(Phạm hưng long), Trăng ơi từ đâu đến(Trần đăng khoa), Gió(Xuân quỳnh), cầu vồng (Trương thị minh huệ)... - Bài thơ chủ đề Quê hương- Bác Hồ: + Bác Hồ của em(Phan thị thanh nhàn); Ảnh Bác(Trần đăng khoa); em vẽ Bác Hồ(thi ngọc), Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn bao), quê em vùng biển(Đăng quang định sưu tầm), Bé vào lớp một(Định dũng toàn)...
--	---

63. Kể chuyện theo cách riêng (Chuẩn 12, CS 35) - Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể chuyện sáng tạo, kể chuyện có thay đổi một vài tình tiết. - Trẻ kể theo tranh, theo sự hiểu biết của trẻ. * LVPTNN- Truyện. + Kể chuyện sáng tạo. + Kể chuyện theo hình vẽ.
64. Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch. Thể hiện được tích cách của các nhân vật khi tham gia đóng kịch. - Ba cô gái - Tay phải tay trái - Hai anh em - Chú dê đen - Ai đáng khen nhiều hơn - Qua đường -Tích chu -Cáo thỏ gà trống
65. Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao (Chuẩn 11, CS 33) Trẻ sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự như: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép...phù hợp. - Thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh tình huống giao tiếp giữa cô- trẻ, trẻ- trẻ * LVPTTCXH: Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi, giao tiếp
66. Diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau (Chuẩn 11, CS 34) Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. - Nói với một tốc độ, giọng điệu thích hợp khi giao tiếp với người lớn, với cô giáo, với bạn bè. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
66. Không nói tục, chửi bậy (CS 78)	- Trẻ biểu hiện hành vi văn minh trong giao tiếp, không nói leo, không nói tục chửi bậy, xin phép khi muốn nói, lắng nghe người khác nói.
c. Làm quen với việc đọc viết	
67. Thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in (Chuẩn 13, CS 36,) - Có hành vi đúng khi sử dụng sách và các đồ dùng để viết: Cầm sách, cầm bút, giở sách	- Trẻ chọn sách để đọc - Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, làm sách... - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp.

đúng cách: cầm đúng chiều, mở từ trang bìa, lật sách, chỉ vào chữ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; biết cách viết chữ theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; Đề sách, bút đúng nơi quy định, không vẽ bẩn, làm nhăn, nhàu, hỏng sách.	- Biết lật từng trang sách từ trái qua phải. - Giữ gìn và bảo vệ sách - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngòi, dẫm,.. lên sách. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. Giữ gìn, bảo vệ sách. * HĐ trải nghiệm: + Cùng bé xem sách.
68. Trẻ biết kể chuyện sáng tạo theo tranh, đồ vật đồ chơi và kinh nghiệm của bản thân	- Kể Chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể tên, hành động của các nhân vật, tình huống trong câu chuyện. - Kể lại sự việc theo trình tự truyện đã được nghe. - Dạy trẻ kể chuyện theo tranh chủ đề. * LVPTNN- Truyện: + Kể chuyện theo tranh + Kể chuyện theo chủ đề
68. Trẻ nhận biết và gọi tên chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. (Chuẩn 13, CS 38)	- Nhận dạng và phát âm đúng 29 chữ cái. - phát âm được các chữ cái đã học. - Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày. * LVPTNN: LQCC. - Chủ đề trường mầm non: + Làm quen chữ cái o, ô, ơ + Một số trò chơi chữ cái o, ô, ơ - Chủ đề bản thân: + Làm quen chữ cái a, ă, â + Một số trò chơi chữ cái a, ă, â - Chủ đề gia đình: + Làm quen chữ cái e, ê, u, ư + Một số trò chơi chữ cái e, ê, u, ư - Chủ đề nghề nghiệp: + Làm quen chữ cái b, d, đ + Một số trò chơi chữ cái b, d, đ - Chủ đề Động vật: + Làm quen chữ cái l, t, c; + Một số trò chơi chữ cái l, t, c. - Chủ đề Thực vật- tết và mùa xuân: + Làm quen chữ cái l, m, n; h, k + Một số trò chơi chữ cái l, m, n; h, k

	- Chủ đề giao thông: + Làm quen chữ cái, p,q + Một số trò chơi chữ cái p,q - Chủ đề nước và hiện tượng tự nhiên: + Làm quen chữ cái g,y + Một số trò chơi chữ cái g,y - Chủ đề quê hương, đất nước- Bác Hồ- TTH: + Làm quen chữ cái v,r, xs + Một số trò chơi chữ cái v,r, x, s
69. Thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ, "viết"; (Chuẩn 14, CS 40) - Trẻ biết Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình - Sao chép một số kí hiệu như biển báo giao thông, biển báo cấm...
70. Nhận biết một số. ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống; (Chuẩn 14, CS 38) Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân	- Dùng các ký hiệu hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân - Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ. - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu.
71. Trẻ bắt chước hành vi "viết"(Chuẩn11, CS14) Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới	-Hướng viết: từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết các nét chữ. - Sao chép các từ theo trật tự cố định trong các hoạt động. - Biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày. - Biết sao chép tô, đồ chữ cái theo dấu chấm mờ.
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	

72. Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống nghệ thuật(Chuẩn 19,CS 55) - Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	-Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Thông qua các bài hát, bản nhạc, trò chơi, câu đố. - Trò chơi âm nhạc: + Hát theo hình vẽ. + Gõ theo nhịp điệu + Vũ điệu hóa đá + Nghe âm thanh to nhỏ + Nghe âm la đoán tên bài hát + Thi Xem ai nhanh + Tiếng hát ở đâu + Bịt mắt bắt dê + Nghe âm thanh tìm đồ vật. + những nốt nhạc may mắn + Bao nhiêu bạn hát. +Son mi + Vòng quay kỳ diệu + Vũ điệu theo nhạc. + Thử tài bạn hát + Bé là ca sỹ +Nhận hình đoán tên bài hát. +Ô cửa bí mật
73. Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết của các bài hát, bản nhạc, nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện². * Nội dung nghe hát - Chủ đề TMN: + Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiệp) + Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Phạm phương thảo), Bài ca đi học (Phan Trần Bảng),
74. Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc; chăm chú lắng nghe và nhận ra những giai điệu khác nhau của bài hát, bản nhạc	+ Mái trường mến yêu (Lê quốc thắng), +Em yêu trường em (Hoàng Vân). + Đi học (Nhạc Bùi đình thảo, lời thơ Hoàng minh chính) + Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân)... +Cô Giáo (Đỗ Mạnh Tường) +Bông hồng tặng cô(Trần Quang Huy)

	+Cô nuôi dạy trẻ (Nguyễn Văn Tý) + Em đi xem hội trăng rằm (Nguyễn Nghi) - Chủ đề Bản thân: + Sinh nhật hồng (Lê Quốc Thắng). + Em là chim câu trắng (Trần Ngọc). + Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ). + Xòe bàn tay, đếm ngón tay (Trần Văn Thụ). + Thật đáng chê (Việt Anh)... +Nắm tay thân thiết (Đỗ Thị Việt Hưng) +Khuôn mặt cười (Nguyễn Hậu) - Chủ đề gia đình: + Cho Con (Phạm Trọng Cầu) + Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo). + Lời ru trên nường (Trần Hoàn- Nguyễn Khoa Điềm). + Mẹ yêu con (Nguyễn Văn Tý); + Mẹ yêu (Phương Uyên). +Tình cha (Ngọc Sơn). + Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn). + Khúc hát ru người mẹ trẻ (Phạm Tuyên). +Yêu sao nghề nhà giáo (Vũ Khánh Tùng) +Tâm tình cô giáo mầm non.(Phan Quỳnh Anh) - Chủ đề ngành nghề: + Ước mơ xanh (Lê Giang) + Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý). + Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa). + Xe chỉ luân kim (Dân ca miền bắc) + Anh phi công ơi (Đức Anh). + Đi cấy (Dân ca). + Đưa cơm cho mẹ đi cày (Tâm Như). +Ngày mùa vui (Trung Hậu). + Cháu hát về Đảo xa (Trịnh Nhật Minh). + Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục)... - Chủ đề động vật: +Tôm cá cua thi tài. + Em học nhạc (Nguyễn Văn Hiên) + Em Gà gáy le te (Dân ca cổng). + Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền). + Lợn tròn lợn khéo (Văn Chung) + Đuổi chim (Việt Anh).
--	---

	+ Thật đáng chê (Ngọc Châu). + Lý con khi (Dân ca)... - Chủ đề Thực vật: + Mùa xuân ơi (Quang Dũng). + Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải- Phạm Bá Ngoãn). + Cây trúc xinh (Dân ca Bắc Ninh); + Vườn cây của ba (Phan Nhân) + Lý chiều chiều (Dân ca); + Hoa thơm bướm lượn (dân ca); + Chúc xuân (Đình trung chính). + Hoa trong vườn (Văn Tấn). - Chủ đề Giao thông: + Anh phi công ơi (Đức Anh). +Ngồi tựa màn thuyền (Quan họ bắc ninh). + Bài ca giao thông (Hoang Vân), + Ba em là công nhân lái xe (Trịnh Nhật Minh). +chúng em chơi giao thông +Đèn xanh, đèn đỏ (Lương bằng vinh- Ngô quốc Chính). - Chủ đề nước &HTTN: + Hạt nắng hạt mưa (Hạt nắng, hạt nắng cho mẹ ra đồng...); + Nắng sớm (Huy Tuấn). + Mây và gió (Minh Quân); + Cầu Vòng Sau Con mưa (Nguyễn Văn Chung). +Khúc ca bốn mùa (Nguyễn Hải). +Hạt mưa và em bé (Đình Toàn). + Tia nắng hạt mưa; Mưa rơi (Dân ca Tây bắc) +Bèo dạt mây trôi (Dân ca). + Phao bơi.(Trần Tâm)... - Chủ đề QH- đất nước –BH: + Em nhớ Tây Nguyên (Ngọc Mai) + Mùa hoa phượng nở (Phong Thu). + Từ rừng xanh cháu về thăm bác (Hoàng Lân). + Bác Hồ một tình yêu bao la (Thuận Yến). + Việt nam quê hương tôi (Đỗ Nhuận). + Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng (Anh Bằng). -Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).
--	--

	Bài hát (ngày đầu tiên đi học, Xe chỉ luôn kim, cho con, Anh phi công ơi,).
75. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ khi hát.... - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
76. Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc; (Chuẩn 19,CS 60)	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
	Nội dung Dạy Hát và vận động - Chủ đề trường MN: + Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên), + Trường cháu đây là trường Mn (Phạm Tuyên), + Chào ngày mới (Hồ Quang Lộc). + Bàn tay cô giáo (Định Hải). + Ngày vui của bé (Hoàng văn yển). + Trường cháu đây là trường MN + Rước đèn dưới trăng .. (Phạm tuyên) + Mèo con lười học -Biểu diễn cuối chủ đề - Chủ đề bản thân: + Cái mũi (Lê Đức- Thu Hiền) + Em học nhạc (Nguyễn Văn Hiên) + Đường và chân (Hoàng Long) + Khuôn mặt cười.(Nguyễn Hậu) + Mời bạn ăn (Trần Ngọc) + Mừng sinh nhật (Đoàn Ngọc Dung) + Bàn tay nắm lại (Nhạc nước ngoài) + Cái mũi (Lê Đức- Thu Hiền), bé tập đánh răng, Nắm tay thân thiết, hãy xoay nào... - Chủ đề gia đình: + Bé quét nhà (Hà Đức Hậu) + Cả nhà đều yêu (Bùi anh Tôn) + Cho con (Phạm Trọng Cầu). + Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh) + Ru em (dân ca xê-đăng) + Nhà của tôi (Thu Hiền). + Bàn Tay Mẹ (lời thơ Tạ Hữu Yên). + Bố là tất cả (Thập Nhất) + Ông cháu (Phong nhã)

	+ Múa cho mẹ xem (Xuân giao). - Chủ đề ngành nghề: + Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu). + Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng văn yển). + + Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền). + Cháu thương chú bộ đội (Hoàng văn yển). + Bác đưa thư vui tính (Hoàng lân). + Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân) + Chiến sỹ tí hon (Việt Anh) + Ba em là công nhân lái xe (Lê văn Lộc - Chủ đề: Động vật: + Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền) + Chú ếch con (Phan nhân) + Cá vàng bơi (Hà Hải) + Chú thỏ con (Trần Văn Tùng) +Trời nắng trời mưa(Đặng Nhất Mai) +Vì sao con mèo rửa mặt (Hoàng Long), + Đàn gà trong sân, + Thương con mèo (Huy Du). + Thật là hay, Đố bạn (Hong Ngọc) + Cò lả (Dân ca quan họ bắc ninh). + Bắc kim thang (Dân ca nam bộ). + Chú voi con ở bản đôn (Phạm Tuyên)... +Thật là hay, Đố bạn. Gà trống mèo con và cún con - Chủ đề Thực vật: + Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân) + Em yêu cây xanh (Hoàng văn yển) + Lá Xanh (Thái Cơ) + Bầu và bí (Phạm Tuyên) + Hoa trong vườn (Dân ca thanh hóa), + Lý cây xanh (Dân ca nam bộ). + Em thêm 1 tuổi (Hoang long). +Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu). + Em yêu cây xanh (Hoàng văn Yển) + Mùa xuân (hoàng Minh Tuấn).. + quả,... - Chủ đề giao thông: +Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yển), + Đường em đi (Phạm Duy) + Đường và chân (Hoàng Long).
--	--

	+ Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân) + Bạn ơi có biết không (Hoàng Văn Yến). + Chúng em chơi giao thông (Phạm Anh). + Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường). - Chủ đề Nước và HTTN: + Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà), + Những khúc nhạc hồng (Trương Xuân miễn). + Bé yêu biển lắm (Vũ Hoàng), + Đừng đi đằng kia có mưa (Nhạc nước ngoài) + Mây và gió (Hồ Minh Phúc) + Đếm sao (Văn Chung). + Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích) + Mưa bóng mây (Tô Đông Hải) - Chủ đề Quê hương-ĐN-BH- Trường TH: + Tạm biệt búp bê (Hoàng Thông) + Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu) + Yêu Hà nội (Bảo Trọng). + Quê hương tươi đẹp (Dân ca nùng, lời Anh Hoàng), + Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục). + Em yêu trường em (Hoàng Vân) ... + Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân giao). + Múa với bạn Tây Nguyên (Phạm Tuyên)... -Biểu diễn cuối chủ đề
77. Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật; (Chuẩn 20,CS 62) - Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
78. Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu³. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo, phách, nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp).
79. Tạo ra cái đẹp trong cuộc	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình,

sống hàng ngày theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, Có lời nói cử chỉ lịch sự nhân ái...). (Chuẩn 20,CS 63) - Trẻ phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. * LVPTTM: Tạo hình. - Chủ đề Trường mầm non + Hoạt động Steam: Làm những chiếc hộp đựng bút + Hoạt động Steam: Làm bập bênh + Hoạt động Steam Làm đèn lồng trung thu - Chủ đề Bản thân. + Làm quà tặng bạn. Hoạt động Steam: Làm đồng hồ treo tay - Chủ đề Gia đình + Làm quà tặng mẹ + Hoạt động Steam: Làm ngôi nhà + Hoạt động Steam: Thiết kế thiệp tặng mẹ - Hoạt động STEAM: “Làm lọ hoa bằng chai nhựa tái chế” tặng cô. + Làm quà tặng cô giáo - Chủ đề Động vật + Làm con vật từ lá cây. + Làm các con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên - Chủ đề Nghề nghiệp. + Làm quà tặng chú bộ đội. + Hoạt động Steam: Làm cái cốc + Hoạt động STEAM: Làm mũ bộ đội từ bìa cứng - Chủ đề Thực vật - Làm tranh hoa các từ lá cây, sỏi đá - Làm tranh hoa từ nguyên vật liệu thiên nhiên - Hoạt động Steam “Làm chậu trồng cây từ chai nhựa tái chế” STEAM: Thí nghiệm hạt nảy mầm – Trẻ gieo hạt vào bông ẩm, theo dõi quá trình nảy mầm. STEAM: Cắm hoa nghệ thuật – Trẻ cùng cô cắm lọ hoa trang trí lớp, trải nghiệm sự phối hợp màu sắc STEAM: Thiết kế mâm ngũ quả ngày Tết – Trẻ cùng nhau sắp xếp trái cây theo hình thức đẹp mắt. - Chủ đề giao thông + Làm các phương tiện giao thông + Hoạt động Steam: Làm thuyền nổi được trên mặt nước Hoạt động STEAM “Làm mô hình ô tô từ hộp sữa” - Chủ đề Nước, hiện tượng tự nhiên. + Làm tranh từ sỏi, tranh màu nước, in tranh từ màu
--	---

	nước. STEAM: Làm “Máy mưa mini” (trẻ nhỏ giọt nước qua mây bông) STEAM: Làm chong chóng gió, thử nghiệm sức gió - Chủ đề Quê hương, đất nước bác Hồ, trường tiểu học: - Làm thiệp chúc mừng. - Trang trí tranh ảnh, quà quê. Trải nghiệm làm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu thiên nhiên, -Hoạt động STEAM: Làm mô hình cánh đồng lúa, con trâu, cây đa, giếng nước, từ phế liệu. - Hoạt động STEAM: Làm bức tranh chân dung Bác Hồ bằng hạt ngũ cốc, lá cây khô. - Hoạt động STEAM Thiết kế mô hình trường tiểu học bằng hộp giấy, vỏ sữa, bìa cứng
80. Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. * LVPTTM: Tạo hình. - Chủ đề Trường mầm non + Vẽ trường Mầm non +Vẽ đồ chơi trên sân trường +Vẽ chân dung cô giáo - Chủ đề Bản thân. + Vẽ bạn trai bạn gái +Vẽ khuôn mặt biểu hiện cảm xúc + Vẽ trang phục bạn trai, bạn gái - Chủ đề Gia đình + Vẽ người thân trong gia đình. + Vẽ cô giáo +Vẽ cái cốc , vẽ cái nồi +Vẽ ấm pha trà. +Vẽ và trang trí chiếc đĩa. - Chủ đề Động vật + Vẽ đàn gà + Vẽ đàn cá bơi +vẽ con chim +Vẽ động vật sống trong rừng - Chủ đề Nghề nghiệp. + Vẽ dụng cụ nghề nông

	+ Vẽ chú bộ đội + Vẽ cô giáo của em - Chủ đề Thực vật + Vẽ vườn cây ăn quả + Vẽ vườn hoa + Vẽ cây bằng dầu vân tay - Chủ đề giao thông + Vẽ PTGT + Vẽ thuyền trên biển - Chủ đề Nước, hiện tượng tự nhiên. + Vẽ mưa + Vẽ cầu vồng sau cơn mưa - Chủ đề Quê hương, đất nước bác Hồ, trường tiểu học: + Vẽ cảnh quê hương + Vẽ cảnh miền núi + Vẽ hoa quanh lăng bác
81. Trẻ phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. * LVPTTM: Tạo hình. - Chủ đề Trường mầm non + Cắt dán đồ chơi trên sân trường + Cắt dán hình - Chủ đề Bản thân. + Cắt dán gang tay + Cắt dán áo bạn trai, bạn gái - Chủ đề Gia đình + Cắt dán cà vạt tặng bố + Cắt dán ngôi nhà. + Cắt dán tủ quần áo. - Chủ đề Động vật + Cắt dán tranh ảnh 1 số động vật nuôi - Chủ đề Nghề nghiệp. + Cắt dán tranh ảnh 1 số nghề + xé đồ dùng các nghề - Chủ đề Thực vật + xé dán vườn cây ăn quả

	+ Xé dán các loại rau. + Xé dán các loại quả. - Chủ đề giao thông + xé dán thuyền trên biển - Chủ đề Nước, hiện tượng tự nhiên. + Xé dán mưa + xé dán cầu vồng sau cơn mưa - Chủ đề Quê hương, đất nước bác Hồ, trường tiểu học: + Xé dán tranh theo chủ đề + Cắt dán đồ dùng học tập.
82. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	.- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. * LVPTTM: Tạo hình. - Chủ đề Trường mầm non + Nặn đồ chơi trên sân trường. - Chủ đề Bản thân. + Nặn đồ chơi tặng bạn - Chủ đề Gia đình + Nặn đồ dùng trong gia đình - Chủ đề Động vật + Nặn các con vật - Chủ đề Nghề nghiệp. + Nặn đồ dùng của nghề làm nông - Chủ đề Thực vật + Nặn các loại quả - Chủ đề giao thông + Nặn thuyền buồm + Nặn ô tô tải - Chủ đề Nước, hiện tượng tự nhiên. + Nặn ngôi sao + Nặn bầu trời của bé (Đề tài) - Chủ đề Quê hương, đất nước bác Hồ, trường tiểu học: + nặn sân bóng + Nặn bánh, các đặc sản của quê hương
83. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp, cắt hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu	Trẻ biết xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Xếp để tạo thành hình mới.

dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Xé cắt đường vòng cung - Cắt được hình, không bị rách - Đường cắt lượn sát theo hình vẽ - Xé cắt đường vòng cung - Cắt được hình, không bị rách - Đường cắt lượn sát theo hình vẽ. - Cắt dán ngôi nhà từ các hình đơn giản. - Cắt dán quần áo. - Cắt dán đồ dùng, đồ chơi - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - làm đồ chơi tặng bạn. - Trang trí tết. - Làm quà tặng cô, tặng mẹ, tặng bà - Xếp hột hạt con vật - xếp que tính các ptgt - xếp que tính các con vật.... - Gấp máy bay, xếp thuyền, gấp hoa sen +Trang trí rèm cửa, lớp học
84.Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống. (Chuẩn19, CS 58) - Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Trẻ nói lên được nhận xét của mình về sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
85. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. (Chuẩn 19, CS 56)	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình nói lên được nhận xét đánh giá của trẻ , bức tranh đẹp, vì sao đẹp...?
86. Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nói về sản phẩm đó (Chuẩn 19, CS61) Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. * LVPTTM- TH + Tạo hình theo ý thích

87. Có hành vi thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật, cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống.(Chuẩn 19, CS 59)	- Đặt tên cho sản phẩm của mình. - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình mình làm ra và thích nó
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI	
88. Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, người thân và địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Trẻ biết được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, người thân và địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
89. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Nói điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Kể được những việc mà mình có thể làm được, không làm được, và giải thích được lý do.
90. Nhận biết về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, giới tính, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân (Chuẩn 7, CS16)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. * LVPTNT: KPKH: + KPXH: Bé lớn lên từng ngày, cơ thể của bé. + KPXH: Đồ dùng bé trai, bé gái. + Dạy trẻ kỹ năng tự bảo vệ bản thân
91. Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình.
92. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vâng lời, giúp đỡ cô giáo những việc vừa sức - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. * LVPTKNTCXH- KNS: - Dạy trẻ : Kỹ năng giúp đỡ mọi người - Dạy trẻ: Kỹ năng chia sẻ yêu thương
93. Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân (Chuẩn 7, CS18) - Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động - Kỹ năng: Tự phục vụ
94. Tôn trọng sự khác biệt của người khác (Chuẩn 9, CS 24) Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận, hoàn thành công việc được giao
95. Gọi tên tối thiểu 3 cảm xúc	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ

khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó. (Chuẩn 7, CS17) - Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Tự điều chỉnh hành vi, thái độ cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh - Trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc và những hành vi tiêu cực (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...
96: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	
97. Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp với mọi người xung quanh (Chuẩn 8, CS 19) -Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
98.Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh ảnh, băng đĩa và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ. * LVPTNT: KPXH: + Bác Hồ kính yêu. + Ngày sinh nhật bác
99. Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Biết thể hiện tình cảm của mình với Bác bằng một số hoạt động cụ thể như: Đọc thơ, hát, múa...
100. Thích ứnrg với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi; (Chuẩn 9,CS25) Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.(MT27 sở)	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Cung cấp cho trẻ kiến thức về một số lễ hội: lễ hội đền công; lễ hội đền cò; chùa cổ am. - Vui hội xuân, hòn câu, nghĩa trang liệt sỹ, nhà truyền thống.
101. Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác.(Chuẩn 10, Chỉ số 29) - Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Vâng lời người lớn, biết cảm ơn, xin phép....

nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	
102. Nhận lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi (Chuẩn 10, CS28)	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”, nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. * PTKN- TCXH: + Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi lễ phép. + Dạy trẻ kỹ năng nói lời cảm ơn.
103. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. PTKN- TCXH: + Dạy trẻ kỹ năng giao tiếp với người lạ
104. Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác và chấp nhận.
105. Thảo luận, giải thích, trình bày suy nghĩ của bản thân. (Chuẩn 22,CS 69) - Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Chờ đợi tuần tự trong khi tham gia các hoạt động: xếp hàng hoặc chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác trong khi chờ đợi
106 Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động. (Chuẩn 21, CS 67) - Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc cây, con vật thân thuộc. - Trải nghiệm: + Làm vườn. + Cho cá ăn. + Gieo hạt
107. Có trách nhiệm với bản thân, người khác và môi trường. (Chuẩn 8, Cs 21) Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) -Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Trẻ giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). PTKN- TCXH: + Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định + Dạy trẻ quét, hót rác. + Dạy trẻ kỹ năng phân loại rác
108. Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi	- Dạy trẻ tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng

ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	+ Dạy trẻ kỹ năng sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. PTKN- TCXH: - Dạy trẻ kỹ năng tiết kiệm điện, nước
109. Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra (Chuẩn10, CS27) - Trẻ chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn (CS51)	- Chấp nhận sự phân công của người khác. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn. - Nhận ra việc làm của mình ảnh hưởng đến người khác. Giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây ra phản ứng như thế nào.
110. Điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh; (Chuẩn 7, CS20) - Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác (CS 52) Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác - Điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.	
111- Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	- Nhận ra hành vi đúng/sai của mọi người trong ứng xử với môi trường xung quanh. - Nhận ra ảnh hưởng của hành vi đúng hoặc sai: Vứt rác ra đường là sai vì gây ô nhiễm môi trường, như vậy sẽ có hại cho sức khỏe của mọi người. * PTKN- TCXH: + Bảo vệ môi trường biển + Bảo vệ môi trường quanh ta.
112. Thể hiện sự quan tâm, đồng cảm đến mọi người xung quanh	- Trẻ nhận ra sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh: Lắng nghe ý kiến của người khác, trao đổi ý kiến của mình với các bạn. Thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè,

Hải Châu, ngày 20 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Luyện

